TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 509/2022/DS-ST
Ngày 22-9-2022
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé

2. Ông Trần Văn Chon

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2022/TLST-DS ngày ngày 07 tháng 3 năm 2022, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, địa chỉ: số 130 đường Ph, Phường X, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Liêu Thanh H; địa chỉ: T, Ấp Y, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số 01/QĐ-ĐAB- TGĐ ngày 25/7/2019 (có mặt).

Bị đơn: Bà Võ Thị C; sinh năm 1963; địa chỉ: Đường L, Ấp K, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1993; địa chỉ: Đường L, Ấp K, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/3/2021 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/9/2014 nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, đợt vay 0135176901T14003 với nội dung cụ thể như sau: nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất là 9%/năm, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng, phương thức giải ngân là qua tài khoản thẻ, hàng tháng bị đơn phải thanh toán tiền gốc và lãi là 1.363.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.357.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, nguyên đơn đã chuyển khoản vào tài khoản thẻ số 021290145 cho bị đơn số tiền 15.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 4.725.077 đồng, tiền lãi trong hạn là 726.923 đồng, tổng cộng là 5.425.000 đồng. Sau đó thì bị đơn ngưng không trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn nữa. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ nhưng bị đơn cố tình né tránh trách nhiệm trả nợ. Vì vậy, ngày 16/3/2021 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Võ Thị C phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 16/3/20021 là 19.652.554 đồng, trong đó nợ gốc là 10.274.923 đồng, lãi trong hạn là 623.077 đồng và lãi quá hạn là 8.754.554 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/3/2021 đến ngày bị đơn trả hết nợ theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 11/9/2014.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18/8/2022 nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 10.274.923 đồng, nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/3/2021 đến ngày bị đơn trả hết nợ theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 11/9/2014.

Trường hợp bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì đề nghị Tòa án buộc người bảo lãnh là Bà Nguyễn Thị Ngọc G có trách nhiệm trả thay bị đơn số tiền còn nợ nguyên đơn nêu trên.

Tại thời điểm cho vay, phía nguyên đơn có liên kết với Hội liên hiệp phụ nữ xã H để thực hiện việc thu hộ tiền góp hàng tháng của các hội viên vay vốn. Bà Nguyễn Thị Tuyết M là Chi hội trưởng chi hội phụ nữ Ấp L, xã H được ủy quyền thu hộ tiền góp của bị đơn và nộp lại cho ngân hàng. Bà M thu tiền góp của bị đơn một số tháng rồi ngưng, sau đó ngân hàng có cử nhân viên Nguyễn Phi S thay bà M tiếp tục thu tiền góp của bị đơn. Hiện nay ông S đã nghỉ việc, nguyên đơn không biết ông S và bà M hiện cư trú ở đâu. Số tiền mà bà M và ông S thu của bị đơn đã nộp cho ngân hàng tiền gốc là 4.725.077 đồng, tiền lãi trong hạn là 726.923 đồng.

Ý kiến của bị đơn:

Tại các bản tự khai ngày 10/5/2022 và ngày 21/5/2022 bị đơn trình bày: năm 2014 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng, bị đơn đã nộp cho bà M tiền gốc và lãi 3 lần, sau đó bà M vỡ nợ, bỏ trốn khỏi địa phương, bị

đơn đã nộp thêm 02 lần cho cán bộ ngân hàng tên S số tiền là 300.000 đồng, đến nay bị đơn chỉ còn thiếu nợ 1.200.000 đồng. Do thời gian vay đã lâu và chuyển chỗ ở trọ nhiều lần nên bị đơn không còn giữ được các chứng từ đã nộp tiền cho bà M và ông S. Bị đơn xác nhận chỉ vay của nguyên đơn 5.000.000 đồng, đã thanh toán cho nguyên đơn nhiều đợt, đến nay chỉ còn nợ 1.200.000 đồng nên chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 1.200.000 đồng. Bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện vụ án.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ngọc G không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản tiền lãi, và giữ nguyên các yêu cầu còn lại.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ gốc, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ban đầu nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và tiền lãi, nên Tòa án đã ra thông báo thụ lý vụ án về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng tín dụng vào ngày 11/9/2014, thời hạn cho vay là 12 tháng, ngày hết hạn là

ngày 11/9/2015, đến ngày 16/3/2021 nguyên đơn mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015, ngày 18/8/2022 nguyên đơn rút lại yêu cầu về tiền lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc. Căn cứ Điều 155 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: Đòi lại tài sản.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đây là tranh chấp đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn khai hàng tháng có nộp tiền góp cho bà M và ông S nhưng bị đơn đã làm thất lạc chứng từ chưa tìm lại được, các đương sự cũng không cung cấp được địa chỉ cư trú hiện nay của bà M và ông S, nên Tòa án không đưa bà M và ông S vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nếu bị đơn có tranh chấp số tiền đã góp cho bà M và ông S thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 10.274.923 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật:

Căn cứ Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 11/9/2014, và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn cho bị đơn vay là 15.000.000 đồng;

Bị đơn khai chỉ vay của nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng, đã trả góp cho nguyên đơn thông qua bà M và ông S nhiều lần, chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 1.200.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ngày 18/8/2022 Tòa án triệu tập các đương sự để đối chất về số tiền nợ gốc, và số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn nhưng bị đơn không đến Tòa để đối chất nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời khai của bị đơn.

Căn cứ vào bản sao kê hoạt động của khách hàng vay, lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 4.725.077 đồng, bị đơn còn nợ lại tiền gốc là 10.274.923 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của nguyên đơn là hợp pháp, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn thiếu là 10.274.923 đồng, trả một lần ngay khi bản bản có hiệu lực pháp luật.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Ngọc G có trách nhiệm trả nợ thay bị đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn:

Căn cứ Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 11/9/2014, bà Nguyễn Thị Ngọc G cam kết sẽ trả nợ thay bị đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bà Giàu không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không phản đối nghĩa vụ bảo lãnh của mình, do đó, yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các khoản tiền lãi:

Nguyên đơn tự nguyên rút lại yêu cầu về các khoản tiền lãi nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Về phần phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy: quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 155, Điều 429, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Võ Thị C phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 11/9/2014 là 10.274.923 đồng (Mười triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi ba đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bà Võ Thị C không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì buộc bà Nguyễn Thị Ngọc G có trách nhiệm trả nợ thay bà Võ Thị C khoản nợ 10.274.923 đồng (Mười triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm hai mươi ba đồng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ về số tiền lãi trong hạn là 623.077 đồng, lãi quá hạn là 8.754.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/3/2021 đến ngày bị đơn trả hết nợ theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 11/9/2014.

2. Về án phí: Bà Võ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 513.746 đồng (Năm trăm mười ba nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng).

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 490.639 đồng (Bốn trăm chín mươi nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0044035 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THA DS huyện Củ Chi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Kim Hoài